

PHÒNG THI SỐ: 1 (VA2.403)

Địa điểm: **301A1**

Môn thi: **Cơ kỹ thuật**

Ngày thi: **24/04/2018**

Ca thi **2(09:00-11:00)**

TT	SBD	Phách	Điểm	Mã SV	Họ và tên	Số đề	Ngày sinh	Lớp	Số tờ	Ký nộp
1	1			68DCKX20003	NGÔ TIẾN ANH		05/06/1999	68DCKX21		
2	2			68DCKX20002	NGUYỄN HOÀNG ANH		20/10/1999	68DCKX22		
3	3			68DCKX20007	NGUYỄN TUẤN ANH		28/07/1999	68DCKX21		
4	4			68DCKX20006	PHẠM NGỌC ANH		06/10/1998	68DCKX22		
5	5			68DCKX20004	PHẠM THỊ MAI ANH		10/10/1999	68DCKX21		
6	6			68DCKX20005	TRẦN ĐỨC ANH		29/12/1999	68DCKX22		
7	7			68DCKX20008	LÊ THỊ ÁNH		18/09/1999	68DCKX22		
8	8			68DCKX20009	NGUYỄN THỊ ÁNH		19/11/1999	68DCKX21		
9	9			68DCKX20073	NGUYỄN THỊ NGUYỆT ÁNH		06/05/1999	68DCKX22		
10	10			68DCKX20010	CAO XUÂN BÁCH		12/10/1999	68DCKX22		
11	11			68DCKX20011	PHẠM TUẤN BẢO		22/06/1999	68DCKX21		
12	12			68DCKX20012	NGUYỄN THỊ BÍCH		22/02/1998	68DCKX22		
13	13			68DCKX20014	HÀ THẢO CHI		25/12/1999	68DCKX22		
14	14			68DCKX20015	NGÔ LINH CHI		27/08/1999	68DCKX21		
15	15			68DCKX20016	TRẦN XUÂN CHÍNH		21/06/1999	68DCKX22		
16	16			68DCKX21002	NGUYỄN VĂN ĐẠT		03/07/1998	68DCKX22		
17	17			68DCKX20017	TRẦN THỊ DIỄM		30/05/1999	68DCKX22		
18	18			68DCKX20019	LÊ MINH ĐỨC		06/09/1999	68DCKX22		
19	19			68DCKX20018	NGUYỄN THÙY DƯƠNG		05/01/1999	68DCKX22		
20	20			68DCKX21412	LÊ TUẤN THÁI HÀ		05/06/1997	68DCKX22		
21	21			68DCKX20020	ĐÀM THỊ HẰNG		11/03/1999	68DCKX22		
22	22			68DCKX20021	HỒ THỊ THÚY HẰNG		15/01/1999	68DCKX22		
23	23			68DCKX20022	NGUYỄN THỊ MINH HẰNG		02/01/1999	68DCKX22		
24	24			68DCKX20023	LÊ THỊ THÚY HẠNH		02/02/1999	68DCKX22		
25	25			68DCKX20024	SÁI THỊ THU HIỀN		27/06/1999	68DCKX21		
26	26			68DCKX20025	TRẦN THỊ HOA		01/01/1999	68DCKX21		
27	27			68DCKX20026	PHẠM VĂN HÒA		25/03/1999	68DCKX22		
28	28			68DCKX20027	ĐINH XUÂN HOÀNG		19/09/1999	68DCKX22		
29	29			68DCKX20028	VŨ THỊ HỒNG		20/12/1999	68DCKX21		
30	30			68DCKX20029	PHẠM BÁ HUẤN		01/03/1999	68DCKX22		

Danh sách gồm 30 sinh viên

Số bài.....

Số tờ.....

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIÁM THỊ 1

GIÁM THỊ 2

GV CHẤM THI 1

GV CHẤM THI 2

PHÒNG THI SỐ: 2 (VA2.404)

Địa điểm: **302A1**

Môn thi: **Cơ kỹ thuật**

Ngày thi: **24/04/2018**

Ca thi **2(09:00-11:00)**

TT	SBD	Phách	Điểm	Mã SV	Họ và tên	Số đề	Ngày sinh	Lớp	Số tờ	Ký nộp
1	31			68DCKX20030	PHẠM BẢO HÙNG		17/03/1999	68DCKX21		
2	32			68DCKX20031	TRẦN THỊ THU HƯƠNG		14/08/1999	68DCKX21		
3	33			68DCKX20032	ĐỖ QUANG HUY		18/03/1999	68DCKX21		
4	34			68DCKX21068	NGUYỄN ĐẮC KHÁNH		23/02/1997	68DCKX22		
5	35			68DCKX20033	ĐỖ THỊ THÚY KIỀU		04/07/1999	68DCKX21		
6	36			68DCKX20034	NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN		15/12/1999	68DCKX21		
7	37			68DCKX20035	ĐINH THÙY LINH		18/06/1999	68DCKX21		
8	38			68DCKX20036	HOÀNG DIỆU LINH		20/06/1999	68DCKX21		
9	39			68DCKX22000	NGUYỄN MẠNH LINH		16/12/1994	68DCKX22		
10	40			68DCKX20037	HOÀNG TRẦN DUY LONG		26/08/1999	68DCKX21		
11	41			68DCKX20038	LÊ THỊ MAI		03/11/1999	68DCKX21		
12	42			68DCKX20039	PHAN THỊ HỒNG MY		21/03/1998	68DCKX22		
13	43			68DCKX20040	LƯƠNG THỊ NGÀ		28/06/1999	68DCKX22		
14	44			68DCKX20041	LÊ THỊ HỒNG NGÁT		29/09/1999	68DCKX21		
15	45			68DCKX20042	ĐẶNG THỊ BÍCH NGỌC		20/10/1998	68DCKX21		
16	46			68DCKX20044	BÙI THỊ TUYẾT NHUNG		27/08/1999	68DCKX21		
17	47			68DCKX20043	NGUYỄN THỊ NHUNG		23/09/1999	68DCKX21		
18	48			68DCKX21421	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG		21/05/1999	68DCKX22		
19	49			68DCKX20045	NGUYỄN TRẦN GIA NINH		17/09/1999	68DCKX21		
20	50			68DCKX23141	VƯƠNG THỊ KHÁNH NINH		20/06/1999	68DCKX21		
21	51			68DCKX20046	NGUYỄN VĂN PHONG		23/07/1998	68DCKX22		
22	52			68DCKX20047	VŨ THU PHƯƠNG		16/08/1999	68DCKX22		
23	53			68DCKX20048	NGUYỄN ANH QUÂN		10/04/1999	68DCKX21		
24	54			68DCKX40001	BÙI VĂN QUANG		25/01/1995	68DCKX21		
25	55			68DCKX20049	ĐOÀN THỊ THÚY QUỲNH		10/05/1999	68DCKX21		
26	56			68DCKX20050	NGUYỄN ANH SƠN		01/12/1999	68DCKX21		
27	57			68DCKX20067	PHẠM NGỌC TÚ		11/07/1999	68DCKX22		
28	58			68DCKX20066	TRẦN THANH TÚ		05/12/1999	68DCKX22		
29	59			68DCKX20068	LÊ VĂN TUẤN		10/10/1998	68DCKX22		
30	60			68DCKX20070	TRẦN THANH TÙNG		21/11/1999	68DCKX21		

Danh sách gồm 30 sinh viên

Số bài.....

Số tờ.....

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIÁM THỊ 1

GIÁM THỊ 2

GV CHẤM THI 1

GV CHẤM THI 2

PHÒNG THI SỐ: 3 (VA2.501)

Địa điểm: **303A1**

Môn thi: **Cơ kỹ thuật**

Ngày thi: 24/04/2018

Ca thi 2(09:00-11:00)

TT	SBD	Phách	Điểm	Mã SV	Họ và tên	Số đề	Ngày sinh	Lớp	Số tờ	Ký nộp
1	61			68DCKX20052	TRẦN QUỐC THÁI		25/05/1999	68DCKX22		
2	62			68DCKX20051	TRẦN TRUNG THÁI		02/09/1999	68DCKX21		
3	63			68DCKX20053	HOÀNG ĐỨC THIÊN		02/03/1999	68DCKX21		
4	64			68DCKX20054	VŨ ĐỨC THÔNG		27/11/1999	68DCKX21		
5	65			68DCKX20055	TRẦN THỊ PHƯƠNG THU		24/09/1999	68DCKX21		
6	66			68DCKX20056	VŨ THỊ THƯƠNG		30/03/1999	68DCKX21		
7	67			68DCKX20057	TẠ THỊ BÍCH THÙY		09/03/1998	68DCKX22		
8	68			68DCKX20058	HỒ THANH THÙY		03/09/1999	68DCKX22		
9	69			68DCKX20062	ĐÀO THỊ TRANG		17/06/1999	68DCKX21		
10	70			68DCKX20059	NGUYỄN LÊ THU TRANG		15/05/1999	68DCKX22		
11	71			68DCKX20060	NGUYỄN THỊ TRANG		16/06/1999	68DCKX21		
12	72			68DCKX20064	NGUYỄN THỊ TRANG		10/06/1999	68DCKX21		
13	73			68DCKX20063	NGUYỄN THU TRANG		06/11/1999	68DCKX21		
14	74			68DCKX20061	TRẦN THỊ QUỲNH TRANG		02/11/1999	68DCKX22		
15	75			68DCKX20065	ĐẬU LÊ TRUNG		19/04/1997	68DCKX22		
16	76			68DCKX20071	NGUYỄN THỊ VÂN		12/09/1999	68DCKX22		
17	77			68DCKX10001	ĐỖ THỊ NGỌC BÍCH		12/12/1999	68DCKX11		
18	78			68DCKX10003	NGUYỄN THU HIỀN		28/11/1999	68DCKX11		
19	79			68DCKX10004	NGUYỄN KẾ HÙNG		26/08/1999	68DCKX11		
20	80			68DCKX10005	NGUYỄN QUANG HUY		14/01/1999	68DCKX11		
21	81			68DCKX10007	HOÀNG THANH HUYỀN		02/06/1999	68DCKX11		
22	82			68DCKX10006	KHIẾU THỊ CẨM HUYỀN		21/06/1999	68DCKX11		
23	83			68DCKX11001	ĐÀO XUÂN KHÁNH		22/01/1999	68DCKX11		
24	84			68DCKX12001	ĐỖ TÙNG LÂM		22/01/1999	68DCKX11		
25	85			68DCKX10104	NGUYỄN ĐẮC NHẬT MINH		16/09/1999	68DCKX11		
26	86			68DCKX10008	ĐINH HÀ THU		19/10/1999	68DCKX11		
27	87			68DCKX10042	CAO ĐẮC TUẤN		25/05/1999	68DCKX11		

Danh sách gồm 27 sinh viên

Số bài.....

Số tờ.....

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIÁM THỊ 1

GIÁM THỊ 2

GV CHẤM THI 1

GV CHẤM THI 2